

## HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

|                            | HOSE (SGDCK TPHCM)  | CK NIÊM YẾT (SGDCK HN)  | UPCOM (SGDCK HN)   |
|----------------------------|---|---|--|
| <b>Hàng hóa</b>            | Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF trái phiếu đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK TP. HCM  | Các loại cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư ETF đã được đăng ký niêm yết tại SGDCK TP. HN   | Cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi đăng ký giao dịch tại sàn Upcom - SGDCK Hà Nội |
| <b>Thời gian giao dịch</b> | Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ lễ theo quy định của Bộ Luật Lao động   |   |  |
|                            | <b>9:00 đến 9h15:</b> Mở cửa phiên sáng, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATO, giới hạn (LO)<br><br><b>Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.</b><br><br><b>9h15-11h30':</b> Khớp lệnh liên tục I -Phiên sáng :Lệnh sử dụng LO, MP | <b>Từ 9h00 đến 11h30:</b> Khớp lệnh liên tục; Lệnh sử dụng LO, Lệnh thị trường (MOK,MAK, MTL)   | <b>Từ 9h00 đến 11h30:</b> Khớp lệnh liên tục; Lệnh sử dụng LO                  |
|                            | <b>9h00-11h30: Giao dịch thỏa thuận</b>   |   |  |
|                            | <b>11h30 đến 13h00: Nghỉ</b>  |   |  |
|                            | <b>13h00-14h30:</b> Khớp lệnh liên tục II -Phiên chiều :Lệnh sử dụng LO, MP   | <b>Từ 13h00 đến 14h30:</b> Khớp lệnh liên tục; Loại lệnh sử dụng LO, Lệnh thị trường (MOK,MAK, MTL)   | <b>Từ 13h00 đến 15:00:</b> Khớp lệnh liên tục; Lệnh sử dụng LO                 |
|                            | <b>14h30 đến 14h45:</b> Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO)<br><br><b>Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.</b>   | <b>Từ 14h30- 14h45:</b> Đóng cửa phiên chiều, khớp lệnh định kỳ. Lệnh sử dụng: ATC, giới hạn (LO)<br><br><b>Lưu ý: Không được hủy/sửa lệnh.</b> |  |
|                            |   | <b>Từ 14h45 đến 15h: Phiên khớp lệnh sau giờ (PLO)</b><br><br>Lệnh sử dụng: PLO   |  |
|                            | <b>13h00-15h00: Giao dịch thỏa thuận</b><br><br><b>Đối với trái phiếu:</b> Chỉ có phương thức giao dịch thỏa thuận từ 9h00 đến 11h30 và từ 13h00 đến 15h00  | <b>13h00-15h00: Giao dịch thỏa thuận</b>  |  |
|                            | <b>Đóng cửa Thị Trường : 15h00</b>  |   |  |
|                            | <b>Phương thức giao dịch</b>  | Giao dịch khớp lệnh:<br><b>a. Phương thức khớp lệnh định kỳ</b>   |  |

|   |   |   |               |
|---|---|---|---------------|
|   | So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên mở cửa (9h15) và đóng cửa (14h45)  | So khớp các lệnh mua và bán chứng khoán tại thời điểm kết thúc phiên đóng cửa (14h45)'.<br><br><b>Không áp dụng</b>   |               |
| <b>b. Phương thức khớp lệnh liên tục so khớp ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch</b>   |   |   |               |
| Chỉ áp dụng cho giao dịch CP/CCQ đóng/CCQ ETF.  | Áp dụng cho CP; CCQ ETF   |   |               |
| <b>c. Giao dịch thỏa thuận :</b> các bên mua bán thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch. Sau đó, giao dịch sẽ được công ty chứng khoán thành viên bên bán và mua nhập vào hệ thống giao dịch để ghi nhận kết quả (Áp dụng cho cả CP/ TP/CCQ)  |   |   |               |
| <b>d. Nguyên tắc so khớp lệnh</b><br>(i) <i>Ưu tiên về giá:</i> Các lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước; các lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.<br>(ii) <i>Ưu tiên về thời gian:</i> Đối với các lệnh mua (hoặc lệnh bán) có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước<br><br>Nếu các lệnh đối ứng cùng thỏa mãn nhau về giá thì giá khớp sẽ là giá của lệnh được nhập vào hệ thống trước. |   |   |               |
| <b>Các loại lệnh</b>  | <b>ATO (ATC):</b> Là lệnh đặt mua /bán chứng khoán tại mức giá mở cửa (đóng cửa).<br><br>* Là lệnh không ghi giá cụ thể, ghi ATO/ATC<br><br>* Lệnh được ưu tiên trước lệnh L.O trong khi so khớp lệnh và tự động hủy nếu không khớp.  | Chỉ áp dụng lệnh ATC  | Không áp dụng |
|   | Lệnh thị trường: là <b>lệnh mua</b> tại mức giá bán thấp nhất hoặc <b>lệnh bán</b> tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh thị trường được sử dụng trong đợt giao dịch khớp lệnh liên tục. Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng |   | Không áp dụng |
|   | Loại lệnh thị trường áp dụng (MP) :<br><br>* <b>MP:</b> Phần còn lại của lệnh chưa được khớp (nếu có) sẽ chuyển thành lệnh giới hạn tại mức giá mua cao hơn (hoặc giá bán thấp hơn) một bước giá so với mức giá khớp cuối cùng.   | Loại lệnh thị trường áp dụng (MAK, MOK, MTL)<br><br>* <b>MOK (Match or Kill):</b> Lệnh thị trường với thuộc tính FOK (Fill or Kill). Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy toàn bộ lệnh<br><br>* <b>MAK (Match and Kill) :</b> Lệnh thị trường với thuộc tính FAK (Fill and Kill). Lệnh được nhập |               |

|                                    |   |  |   |
|------------------------------------|---|--|---|
|                                    |   | <p>vào nếu không được khớp hết sẽ hủy phần còn lại của lệnh</p> <p>* <b>MTL</b> (Market to limit): Lệnh thị trường – Giới hạn: Lệnh được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.</p>  |   |
|                                    |   | <p>Lệnh khớp lệnh sau giờ (<b>PLO</b>)</p> <p>Lệnh PLO là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá đóng cửa sau khi kết thúc phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa.</p> <p>Lệnh PLO chỉ được nhập vào hệ thống trong phiên giao dịch sau giờ.</p> <p>Lệnh PLO được khớp ngay khi nhập vào hệ thống nếu có lệnh đối ứng chờ sẵn. Giá thực hiện là giá đóng cửa của ngày giao dịch.</p> <p>Lệnh PLO không được phép sửa, hủy.</p> <p>Trong trường hợp trong phiên khớp lệnh liên tục và khớp lệnh định kỳ đóng cửa không xác định được giá thực hiện khớp lệnh, lệnh PLO sẽ không được nhập vào hệ thống.</p> |   |
|                                    | <p><b><u>L.O (Lệnh giới hạn)</u></b></p> <p>* Là lệnh mua/bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn.</p> <p>* Là lệnh có ghi giá cụ thể.</p> <p>* Hiệu lực của lệnh: kể từ khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch cho đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.</p> | <p>* Là lệnh mua/bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn.</p> <p>* Là lệnh có ghi giá cụ thể.</p> <p>* Hiệu lực của lệnh: kể từ khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch cho đến khi <i>kết thúc phiên định kỳ đóng cửa</i> hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.</p>   | <p>* Là lệnh mua/bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn</p> <p>* Là lệnh có ghi giá cụ thể.</p> <p>* Hiệu lực của lệnh: kể từ khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch cho đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.</p> |
| <p><b>Giá tham chiếu (TC)</b></p>  | <p>Giá tham chiếu được tính bằng giá khớp lệnh của phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa của ngày giao dịch liền trước.</p> <p>Chú ý: Đối với những CP tại ngày giao dịch không hưởng quyền thì giá tham chiếu được tính theo giá điều chỉnh.</p>  |  | <p>Giá TC là bình quân gia quyền các mức giá thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch liền trước đó.</p>  |
| <p><b>Biên độ dao động giá</b></p> | <p>* <b>CP/CCQ đóng/CCQ ETF:</b> ± 7%</p> <p>Giá trần = Giá tham chiếu + 7%</p> <p>Giá sàn = Giá tham chiếu – 7%</p>  | <p>* <b>CP/CCQ ETF:</b> ±10%</p> <p>Giá trần = Giá tham chiếu +10%</p>   | <p>* <b>Cổ phiếu:</b> ±15%</p> <p>Giá trần = Giá tham chiếu + 15%</p>   |

|                         |  |   |   |
|-------------------------|--|---|---|
|                         | * <b>Trái phiếu:</b> không quy định.   | Giá sàn = Giá tham chiếu – 10%  | Giá sàn = Giá tham chiếu – 15%                        |
|                         | * <b>Trái phiếu:</b> Không quy định  |   |   |
|                         | <b>Trường hợp</b> giá trần và giá sàn của CP,CCQ sau khi điều chỉnh theo biên độ giao động vẫn bằng với giá tham chiếu , giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá ; Giá sàn = Giá tham chiếu - một đơn vị yết giá |   |   |
|                         | * <b>CP/CCQ đóng/CCQ ETF ngày giao dịch đầu tiên:</b>  | * <b>CP ngày giao dịch đầu tiên/Ngưng 25 phiên giao dịch liên tiếp:</b>   |   |
|                         | CP- CCQ phải có mức giá khởi điểm do tổ chức tư vấn xác định và được sở GD chấp thuận làm giá tham chiếu   |   | ± 40% so với giá tham chiếu                           |
|                         | Biên độ dao động giá: tối thiểu ± 20%  | Biên độ dao động giá: ± 30%   |   |
|                         | Cách thức đặt lệnh CP/CCQ đóng/CCQ ETF ngày giao dịch đầu tiên giống như CP/CCQ đóng/CCQ ETF đang niêm yết ( Tuy nhiên không cho phép thực hiện lệnh giao dịch thỏa thuận)   | Đối với cổ phiếu mới được niêm yết và cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch trên 25 phiên, trong ngày giao dịch đầu tiên hoặc ngày giao dịch trở lại; không được thực hiện giao dịch thỏa thuận cho đến khi có giá cơ sở được xác lập | Không quy định  |
| <b>Đơn vị giao dịch</b> | * <b>Cổ phiếu/CCQ đóng/CCQ ETF</b>   | * <b>Cổ phiếu/CCQ ETF</b>   | * <b>Cổ phiếu/Trái phiếu</b>                          |
|                         | <i>Áp dụng cho GD khớp lệnh.</i>   |   |   |
|                         | 1 lô = 100 CP/CCQ đóng/CCQ ETF/Chứng quyền   | 1 lô = 100 CP   | 1 lô = 100 CP/100 TP                                  |
|                         | <b>Lô chẵn:</b> bội số của 100, từ 100 – 500.000   | <b>Lô chẵn:</b> bội số của 100, từ 100  | <b>Lô chẵn:</b> bội số của 100, từ 100                |
|                         | <b>Lô lẻ:</b> 1-99 CP/CCQ đóng/CCQ ETF/chứng quyền   | <b>Lô lẻ</b> 1-99 CP  | <b>Lô lẻ:</b> 1-99CP/TP                               |
|                         | <i>Áp dụng cho GD thỏa thuận.</i>  |   |   |
|                         | SL ≥ 20.000  | SL ≥ 5.000 CP   | Không quy định  |
|                         | * <b>Trái phiếu</b>  | Không quy định  |   |
|                         | Giao dịch thỏa thuận không quy định SL   |   |   |
| <b>Bước giá</b>         | * <b>CP/CCQ đóng</b><br>Thị giá < 10.000 đồng: 10 đồng.<br>Thị giá từ 10.000 – 49.950 đồng: 50 đồng.   | * <b>Cổ phiếu</b>   | * <b>Cổ phiếu:</b><br>Giao dịch khớp lệnh: 100 đồng . |

|                               |  |  |                                     |
|-------------------------------|--|--|-------------------------------------|
|                               | <p>Thị giá <math>\geq</math> 50.000 đồng: 100 đồng.</p> <p>* <b>CCQ ETF: 10 đồng</b></p> <p>* <b>Trái phiếu:</b> Không quy định.</p> | <p>Giao dịch khớp lệnh: 100 đồng<br/>Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng</p> <p>* <b>CCQ ETF: 1 đồng</b></p>  | <p>Giao dịch thỏa thuận: 1 đồng</p> |
| <p><b>Giao dịch lô lẻ</b></p> | <p>Không được phép đặt lệnh trên sàn</p> <p>Giao dịch ngoài sàn</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo phương thức khớp lệnh liên tục và phương thức thỏa thuận</li> <li>- Chỉ được phép nhập lệnh LO ( hủy/ sửa lệnh tương tự đối với giao dịch lô chẵn)</li> <li>- Đơn vị giao dịch là 01 cổ phiếu/Trái phiếu (1-99)</li> <li>- Giá giao dịch: tương tự giao dịch lô chẵn; các lệnh giao dịch lô lẻ không được sử dụng để xác định giá tham chiếu, giá tính chỉ số.</li> <li>- Không được phép thực hiện trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu mới niêm yết / ngày giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch 25 ngày cho đến khi có giá đóng cửa được xác lập.</li> </ul> |                                     |